TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2019/DS-PT.
Ngày 21 - 02 - 2019.
V/v "tranh chấp hợp đồng thuê tài sản và dịch vụ bán hàng tại chợ"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Văn Trường.
Các thẩm phán: Ông Triệu Quốc Hiếu.
Bà Trần Thị Ngọc Dung.

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Nguyễn Thị Xuân Tình - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long:*** Bà Nguyễn Ngọc Bích - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 02 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 13/2019/TLPT - DS ngày 10 tháng 01 năm 2019, về " tranh chấp hợp đồng thuê tài sản và dịch vụ bán hàng tại chợ ".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 45/2018/DS - ST ngày 14 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện O bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2019/QĐ-PT ngày 23 tháng 01 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Hồ Tấn B, sinh năm 1961, chủ Doanh nghiệp tư nhân Xuân V (vắng mặt).

Cư trú tại: Ấp T, xã X, huyện O, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Chị Hồ Thị Thu C, sinh năm 1982. Cư trú tại: Ấp T, xã X, huyện O, tỉnh Vĩnh Long, theo văn bản ủy quyền ngày 04/4/2018 (có mặt).

- *Bị đơn:* Chị Trịnh Thị Ngọc H, sinh năm 1984 (có mặt).

Cư trú tại: Ấp T, xã X, huyện O, tỉnh Vĩnh Long.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Nguyễn Thiên V, sinh năm 1976 (vắng mặt).

Cư trú tại: Ấp T, xã X, huyện O, tỉnh Vĩnh Long.

Địa chỉ chỗ ở hiện nay: Ấp T, xã X, huyện O, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện hợp pháp của anh Nguyễn Thiên Vũ: Chị Trịnh Thị Ngọc H, theo văn bản ủy quyền ngày 24/9/2018 (có mặt).

2. Ủy ban nhân dân xã X (có văn bản xin vắng mặt).

3. Ủy ban nhân dân huyện O (có văn bản xin vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Chị Trịnh Thị Ngọc H là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện O, tỉnh Vĩnh Long thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

- Trong đơn khởi kiện ngày 30 tháng 3 năm 2018 và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Hồ Tấn B, chủ Doanh nghiệp tư nhân V trình bày:

Doanh nghiệp tư nhân V (sau đây viết tắt là DNTN V hoặc Doanh nghiệp) được Ủy ban nhân dân huyện O (sau đây viết tắt là UBND huyện O) giao chợ X thuộc xã X, huyện O cho kinh doanh, khai thác quản lý theo hợp đồng số 01/HĐ-PCT ngày 29/8/2008 và phụ lục hợp đồng số 01B/PLHĐ-PCT ngày 11/7/2013.

Giữa DNTN V và bị đơn chị Trịnh Thị Ngọc H có thỏa thuận hợp đồng cho thuê mặt bằng với nội dung: Doanh nghiệp cho hộ kinh doanh, chị Trịnh Thị Ngọc H thuê mặt bằng kinh doanh tạp hóa thuộc nhà lồng C, diện tích 13,2m^2. Thực hiện hợp đồng bị đơn còn nợ tiền thuê với số tiền tổng cộng 19.602.000đ theo cam kết trả nợ ngày 31/12/2017 và xin được trả dần hàng tháng số tiền 500.000đ nhưng chỉ thanh toán được 03 tháng số tiền 1.500.000đ. Do vậy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn trả tiền thuê còn nợ là 18.102.600đ.

- Tại bản tự khai ngày 15/6/2018 và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Trịnh Thị Ngọc H trình bày:

Bị đơn có hợp đồng thuê mặt bằng với ông Hồ Tấn B gồm 02 lô diện tích 10,6m^2, lô mặt trước 5,3m^2 giá 75.000đ/m^2/tháng, mặt sau 5,3m^2 giá 60.000đ/m^2/tháng, diện tích thuê thực tế 10,6m^2 nhưng ông B tính diện tích 13,2m^2, lúc đầu có lập hợp đồng, sau thì không. Bị đơn đã không trả tiền thuê từ tháng 01/2016 đến tháng 10/2017 là 21 tháng, ông B tính 19.602.000đ và yêu cầu ký cam kết trả nợ mỗi tháng 500.000đ. Doanh nghiệp có cam kết giá năm 2016, 2017 là 75.000đ/m^2/tháng, nếu có giá nào thấp hơn thì Doanh nghiệp sẽ trả lại. Bị đơn đã nộp được 04 lần (từ tháng 11/2017 đến tháng 02/2018) bằng 2.000.000đ chứ không phải chỉ 03 lần như nguyên đơn trình bày. Nay Ban quản lý chợ xã X tính giá 50.000đ/m^2/tháng với diện tích 10.6m^2. Do vậy, bị đơn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chỉ đồng ý trả tiền theo diện tích và giá tiền như Ban quản lý chợ xã X tính. Cụ thể, từ tháng 01/2016 đến tháng 10/2017 là 21 tháng số tiền: 10,6m^2 x 50.000đ/m^2/tháng x 21 tháng = 11.130.000đ, trừ 2.000.000đ đã trả, còn lại 9.130.000đ. Số tiền chênh lệch thừa 2,6m^2 đã trả của các năm trước, bị đơn không yêu cầu ông B trả lại.

- Tại văn bản ngày 24/9/2018, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Thiên V trình bày: Anh không có yêu cầu độc lập và tham gia tố tụng về phía bị đơn.

- Tại văn bản số 44/CV-UBND ngày 22/10/2018 Ủy ban nhân dân xã X trình bày:

Sau khi Doanh nghiệp V hết hợp đồng quản lý chợ X trong hạn 10 năm (2007-2017), kể từ ngày 01/01/2018 đến nay, UBND huyện O giao cho UBND xã X là cơ quan trực tiếp quản lý, khai thác chợ X cho đến khi Doanh nghiệp, đơn vị trúng thầu sẽ giao lại. Để khai thác quản lý chặt chẽ, công khai, hoạt động hiệu quả, được sự đồng thuận của các hộ tiểu thương, UBND xã đã tổ chức khảo sát hiện trạng, đo đạc vị trí, họp dân để thông báo vị trí và mức phí. Qua khảo sát, thực trạng chợ đều xuống cấp. Về giá, 100% hộ tiểu thương không thống nhất với giá theo quy định, chỉ thống nhất theo vị trí và mức giá tạm thời, hợp đồng đóng tiền hàng tháng: vị trí 1: 50.000đ/m^2/tháng; vị trí 2: 40.000đ/m^2/tháng; vị trí 3: 30.000đ/m^2/tháng. Mặt bằng ông Nguyễn Thiên V thuê được tính 50.000đ/m^2/tháng thuộc vị trí 1.

- Tại văn bản số 1961/UBND-KTN ngày 07/11/2018, Ủy ban nhân dân huyện O trình bày:

Về việc thanh lý hợp đồng: Hợp đồng số 01/HĐ-PCT ngày 29/8/2008 và Phụ lục hợp đồng số 01B/PHĐ-PCT ngày 11/7/2013 về việc giao DNTN V kinh doanh, quản lý, khai thác chợ X đã được Doanh nghiệp yêu cầu thẩm định giá, các ngành chức năng cũng đã thẩm tra kết quả thẩm định giá trị tài sản còn lại của chợ X và đang xin chủ trương về phương thức, nguồn kinh phí chi trả để sớm thanh lý hợp đồng theo đúng quy định.

Về việc chuyển giao chợ và phê duyệt giá thuê: Kể từ ngày 01/01/2018, UBND xã X là đơn vị được UBND huyện O giao trực tiếp quản lý, khai thác chợ X cho đến khi có nhà đầu tư trúng thầu và Doanh nghiệp V đã bàn giao phạm vi chợ cho UBND xã X quản lý tạm thời. Các hợp đồng và thỏa thuận giữa UBND xã X về diện tích, giá thuê chưa được UBND huyện phê duyệt với lý do UBND xã X chỉ tạm thời quản lý chợ. Mức giá thuê được thực hiện theo thỏa thuận giữa UBND xã X và người kinh doanh nhưng không vượt mức quy định tối đa theo Quyết định số 06/2017/QĐ-UBND ngày 27/3/2017 của UBND tỉnh Vĩnh Long về việc ban hành quy định về giá của dịch vụ được chuyển từ phí sang cơ chế giá theo quy định tại Luật phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

Về quyền và nghĩa vụ của các bên có liên quan: Sau ngày 31/12/2017, nếu hợp đồng giữa DNTN V và người thuê đang còn thực hiện thì Doanh nghiệp và người thuê tiến hành thỏa thuận thanh lý hợp đồng hoặc khởi kiện theo quy định của pháp luật.

Quan điểm của UBND huyện đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 19/9/2018, các đương sự thống nhất: Vị trí mặt bằng thuê chợ thuộc khu nhà lồng C chợ Vĩnh Xuân vị trí 1, lô 13, lô 34 hiện trạng đang do chị Trịnh Thị Ngọc H thuê sử dụng bán tạp hóa. Hiện trạng cột nhà tiền chế, vách rào bằng lưới B40, nền xi măng, lợp tol. Diện tích lô 13 ngang 2,3m, dài 2,5m; lô 14 ngang 3,15m, dài 2,5m. Tổng diện tích 13,65m^2 trong đó có 0,5m phía sau 02 lô, bị đơn đang sử dụng nhưng không đồng ý trả tiền thuê, diện tích (2,3m + 3,15m) x 0,5m = 2,725m^2. Giữa 2 lô có diện tích 0,65m x 2,5m =

1,625m^2 là nhà tiền chế, mái tole không vách do chủ sử dụng che thêm năm 2015, bị đơn đang sử dụng nhưng không đồng ý tính diện tích.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện nguyên đơn trình bày: Ông Hồ Tấn B thay đổi yêu cầu khởi kiện về giá thuê và rút một phần yêu cầu khởi kiện về tiền thuê bị đơn phải trả. Cụ thể chỉ tính giá thuê 60.000đ/m^2/tháng cho diện tích 13,2m^2 trong thời hạn 24 tháng, thành tiền: 13,2m^2 x 60.000đ/m^2/tháng x 24 tháng = 19.000.000đ (số tròn), khấu trừ 2.000.000đ bị đơn đã thanh toán, yêu cầu bị đơn phải trả 17.000.000đ.

Bị đơn Trịnh Thị Ngọc H, đồng thời là đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thiên V trình bày: Thừa nhận còn nợ tiền thuê theo sổ ghi do chị C ghi và chị H giữ với số tiền 19.602.000đ và đồng ý với thời gian thanh toán theo nghĩa vụ phải trả đến tháng 12/2017 là 24 tháng theo yêu cầu của nguyên đơn. Tuy nhiên, không đồng ý với diện tích 13,2m^2 và giá tiền theo yêu cầu của nguyên đơn mà chỉ đồng ý với diện tích và giá tiền do UBND xã X và anh V giao kết trong năm 2018 là 10,6m^2 với giá 40.000đ/m^2/tháng. Về số tiền đã thanh toán được 4 lần, mỗi lần 500.000đ là 2.000.000đ chứ không chỉ 1.500.000đ như nguyên đơn trình bày. Ngoài ra, còn thanh toán được 02 tháng cuối năm 2017 (tháng 11, 12) với số tiền 870.000đ/tháng nhưng việc trả tiền không có chứng cứ.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 45/2018/DS-ST, ngày 14 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện O. Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc chị Trịnh Thị Ngọc H phải trả cho ông Hồ Tấn B là chủ Doanh nghiệp tư nhân V tiền thuê tài sản và dịch vụ bán hàng tại chợ từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/12/2017 số tiền: 17.000.000đ (mười bảy triệu đồng).

Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Buộc chị Trịnh Thị Ngọc H phải nộp 463.000đ (bốn trăm sáu mươi ba ngàn đồng) để trả lại cho ông Hồ Tấn B.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm thi hành án, án phí, quyền, nghĩa vụ trong thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Ngày 27/11/2018 bị đơn chị Trịnh Thị Ngọc H có đơn kháng cáo yêu cầu Toà cấp phúc thẩm giải quyết: Sửa bản án sơ thẩm, bác một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hồ Tấn B, chị H đồng ý trả cho ông B số tiền 9.130.000đ.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Chị H vẫn bảo lưu yêu cầu kháng cáo.

Chị C đại diện cho ông B không đồng ý với kháng cáo của chị H và đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- *Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:*

+ Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, của những người tham gia tố tụng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến khi xét xử Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án; Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ

luật tố tụng dân sự về phiên tòa phúc thẩm; các đương sự có mặt đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Không chấp nhận kháng cáo của chị Trịnh Thị Ngọc H. Giữ nguyên bản án dân sư sơ thẩm số 45/2018/DS-ST ngày 14/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện O, tỉnh Vĩnh Long. Buộc chị H phải nộp 300.000đ tiền án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ; ý kiến trình bày của các đương sự; Căn cứ vào kết quả tranh luận và phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

- *Về thủ tục:*

Ngày 27/11/2018 bị đơn chị Trịnh Thị Ngọc H có đơn kháng cáo và đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm. Đơn kháng cáo của chị H còn trong thời hạn theo Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự và chị H nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo Điều 276 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nên kháng cáo của chị H được Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

- *Về nội dung:*

[1] Xét việc chị H kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, bác một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hồ Tấn B, chị H đồng ý trả cho ông B số tiền 9.130.000đ là không có cơ sở chấp nhận. Vì, các đương sự xác định hợp đồng cho thuê mặt bằng giữa nguyên đơn và bị đơn do người có năng lực chủ thể giao kết và thực hiện, nội dung không bị nhầm lẫn, lừa dối, đe dọa, giả tạo, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội và không thuộc trường hợp không tuân thủ về hình thức hay đối tượng không thể thực hiện. Do vậy, hợp đồng giữa nguyên đơn và bị đơn ký kết có hiệu lực từ thời điểm giao kết theo quy định tại Điều 405 của Bộ luật dân sự năm 2005. Về giá thuê, diện tích thuê: Theo quy định tại Điều 481 của Bộ luật dân sự năm 2005. " Giá thuê tài sản do các bên thỏa thuận. Trong trường hợp pháp luật có quy định về khung giá thuê thì các bên chỉ được thỏa thuận về giá thuê trong phạm vi khung giá đó". Theo quy định tại Điều 489 của Bộ luật dân sự năm 2005 "Bên thuê phải trả đủ tiền thuê đúng thời hạn đã thỏa thuận;…".

Tại Danh mục kèm theo Nghị quyết số 74/2008/NQ-HĐND ngày 17/7/2008 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long quy định:

"Phí chợ là khoản thu về sử dụng diện tích bán hàng đối với những người buôn bán trong chợ nhằm bù đắp chi phí đầu tư, quản lý một cách hợp lý.

Tại khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 94/2014/NQ-HĐND ngày 11/7/2014 và điểm a mục 1 phần I quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 160/2015/NQ-HĐND ngày 11/12/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long cùng quy định:

" Đối tượng nộp phí chợ: Các hộ buôn bán trong khu vực chợ thuê địa điểm kinh doanh tại chợ (chỉ thu một trong hai khoản phí chợ hoặc tiền thuê, sử dụng địa điểm kinh doanh)

… Mức thu phí chợ đối với chợ hạng 2, có mái che: vị trí 1: 75.000đ; vị trí 2: 60.000đ; vị trí 3: 50.000đ (đơn vị tính: đồng/m^2/tháng)…"

Tại quyết định số 721/QĐ-UBND ngày 29/02/2016 và quyết định số 12090/QĐ-UBND ngày 06/12/2016 của UBND huyện O, về việc phê duyệt phương án thu phí Chợ X năm 2016 và năm 2017, mức thu chợ hạng 2, có mái che: vị trí 1: 75.000đ/m^2/tháng; vị trí 2: 60.000đ/m^2/tháng.

Tại phiên tòa, các đương sự xác định giá tiền thuê mặt bằng kinh doanh, cách tính, hình thức thu như thế nào là do Doanh nghiệp và tiểu thương thỏa thuận theo hợp đồng nhưng không được cao hơn mức phí chợ theo quy định của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Do vậy, mức giá theo yêu cầu của nguyên đơn tại phiên tòa 60.000đ/m^2/tháng là phù hợp với sự thỏa thuận giữa Doanh nghiệp và chị H khi xác lập hợp đồng, không cao hơn mức quy định của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long cũng như quyết định của UBND huyện O.

Về diện tích thuê, theo văn bản của UBND xã X, diện tích thuê và giá thuê theo thỏa thuận chỉ là tạm tính. UBND huyện O xác định việc thỏa thuận giữa UBND xã X và người thuê chỉ là tạm tính chưa được UBND huyện phê duyệt. Do vậy, xác định diện tích thuê 13,2m^2 do các bên thỏa thuận và thực hiện các năm 2014-2015 đã được các đương sự thừa nhận phù hợp với diện tích hiện trạng sử dụng và có lợi cho người thuê (hiện trạng 13,65m^2, nhưng nguyên đơn chỉ yêu cầu 13,2m^2) để làm cơ sở tính tiền thuê phải trả. Do vậy, Tòa cấp sơ thẩm xử buộc chị Trịnh Thị Ngọc H phải trả cho ông Hồ Tấn B là chủ Doanh nghiệp tư nhân V tiền thuê tài sản và dịch vụ bán hàng tại chợ từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/12/2017 số tiền: 17.000.000đ là có cơ sở phù hợp với quy định của luật.

Từ các nhận định trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của chị H. Giữ nguyên phần quyết định của bản án sơ thẩm như đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

[2] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do không chấp nhận kháng cáo của chị H, nên buộc chị H phải nộp 300.000đ tiền án phí dân sự phúc thẩm. Số tiền này được khấu trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm chị H đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện O theo biên lai thu số 0015015 ngày 29/11/2018, chị Hóa không phải nộp thêm.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về lãi suất chậm thi hành án, án phí dân sự sơ thẩm và quyền, nghĩa vụ trong thi hành án không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng: Các điều 5, 147, 157, 244 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các điều 388, 405, 481, 482,489 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 26, khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn chị Trịnh Thị Ngọc H. Giữ nguyên phần quyết định của bản án dân sự sơ thẩm số: 45/2018/DS-ST, ngày 14 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện O.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc chị Trịnh Thị Ngọc H phải trả cho ông Hồ Tấn B là chủ Doanh nghiệp tư nhân V tiền thuê tài sản và dịch vụ bán hàng tại chợ từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/12/2017 số tiền: 17.000.000đ (mười bảy triệu đồng).

3. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Buộc chị Trịnh Thị Ngọc H phải nộp 463.000đ (bốn trăm sáu mươi ba ngàn đồng) để trả lại cho ông Hồ Tấn B.

4. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Trả cho ông Hồ Tấn B là chủ Doanh nghiệp tư nhân V số tiền tạm ứng án phí đã nộp 452.500đ (bốn trăm năm mươi hai ngàn năm trăm đồng) theo biên lai thu số 0014614 ngày 15/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện O.

Buộc chị Trịnh Thị Ngọc H nộp 850.000đ (tám trăm năm mươi ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về án phí dân sự phúc thẩm: Buộc chị H nộp 300.000đ, được khấu trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm chị H đã nộp theo biên lai thu số 0015015 ngày 29/11/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện O. Chị H không phải nộp thêm.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9

Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

8. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- *TANDCC: 01b;*
- *VKSNDTVL: 02b;*
- *CA TAT: 01b;*
- *TAND H O: 01b;*
- *THADS H O: 02b;*
- *Đ/sự: 05b;*
- *Lưu: 06 b.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Văn Trường